

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2007/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy
và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy ”

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn
kỹ thuật ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP
ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công
nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP
ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số
54/2003/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-
CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy
chuẩn kỹ thuật;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất
lượng,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này “Quy định về chứng nhận hợp
chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố
hợp chuẩn, công bố hợp quy”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục
Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, các tổ
chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng

QUY ĐỊNH

về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

Điều 3. Tính chất hoạt động chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy

1. Chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện đối với mọi tổ chức, cá nhân.

2. Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, yêu cầu quản lý về môi trường là đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 4. Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy

1. Dấu hợp chuẩn

Dấu hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận hợp chuẩn quy định. Dấu hợp chuẩn phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Đảm bảo rõ ràng, không gây nhầm lẫn với các dấu khác;

b) Phải có chỗ để thể hiện ký hiệu đầy đủ của tiêu chuẩn tương ứng dùng để chứng nhận;

Tổ chức chứng nhận hợp chuẩn quy định cụ thể hình dạng, kết cấu, cách thể hiện và sử dụng dấu hợp chuẩn.

2. Dấu hợp quy

a) Dấu hợp quy có hình dạng, kích thước theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này.

b) Dấu hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo.

c) Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.

d) Dấu hợp quy phải được thể hiện cùng một màu.

Điều 5. Các phương thức đánh giá sự phù hợp

1. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện theo một trong các phương thức sau đây:

a) Phương thức 1: thử nghiệm mẫu điển hình;

b) Phương thức 2: thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất, giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường;

c) Phương thức 3: thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;

d) Phương thức 4: thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;

đ) Phương thức 5: thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất;

e) Phương thức 6: đánh giá và giám sát hệ thống quản lý;

g) Phương thức 7: thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa;

h) Phương thức 8: thử nghiệm hoặc kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa.

2. Nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Phụ lục II của Quy định này.

Điều 6. Phương thức đánh giá hợp chuẩn, đánh giá hợp quy

Phương thức đánh giá hợp chuẩn áp dụng cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường cụ thể do tổ chức chứng nhận hợp chuẩn hoặc tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn lựa chọn theo các phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Điều 5 của Quy định này. Phương thức đánh giá được lựa chọn phải thích hợp với đối tượng chứng nhận để đảm bảo độ tin cậy của kết quả đánh giá.

Phương thức đánh giá hợp quy áp dụng cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường cụ thể được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 7. Chi phí chứng nhận

Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy trả chi

phí cho việc chứng nhận theo thỏa thuận với tổ chức chứng nhận. Chi phí đánh giá chứng nhận, thử nghiệm phải được thông báo công khai, minh bạch và bảo đảm không phân biệt đối xử.

Chương II CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Điều 8. Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận hợp chuẩn

Tổ chức chứng nhận hợp chuẩn phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây:

1) TCVN 7457:2004 hoặc ISO/IEC Guide 65:1996 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF - International Accreditation Forum) đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa;

2) TCVN 5956:1995 hoặc ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng;

3) TCVN 7458:2004 hoặc ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF)

đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý môi trường.

Trong trường hợp các tiêu chuẩn, hướng dẫn quy định tại Điều này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Điều 9. Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn

1. Tổ chức chứng nhận sự phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này có nhu cầu thực hiện chứng nhận hợp chuẩn phải lập hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn và gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn gồm:

a) Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Quy định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập (nếu có), Giấy đăng ký kinh doanh;

c) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn phù hợp với các yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này;

d) Mẫu Giấy chứng nhận hợp chuẩn và Dấu chứng nhận hợp chuẩn;

đ) Kết quả hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký (nếu có).

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Quy định này cho tổ chức chứng nhận hợp chuẩn nếu tổ chức đăng ký chứng nhận hợp chuẩn đáp ứng các yêu cầu quy định.

Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn phải thực hiện việc đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Giấy đề nghị thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Quy định này.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành xem xét hồ sơ và đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng

nhận hợp chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Quy định này cho tổ chức chứng nhận hợp chuẩn và thu hồi giấy chứng nhận đã cấp.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn được quy định tại Điều 52 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, cụ thể như sau:

1. Quyền:

a) Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn với thời hạn không quá ba năm cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng;

b) Giao quyền sử dụng và hướng dẫn cách sử dụng dấu hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp chuẩn;

c) Thu hồi giấy chứng nhận hợp chuẩn, quyền sử dụng dấu hợp chuẩn khi tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã được chứng nhận hợp chuẩn vi phạm nghiêm trọng các quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 46 của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Nghĩa vụ:

a) Thực hiện hoạt động chứng nhận hợp chuẩn trong phạm vi các lĩnh vực đã

đăng ký trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận theo phương thức chứng nhận hợp chuẩn đã xác định, đồng thời ghi rõ phương thức chứng nhận hợp chuẩn trong giấy chứng nhận hợp chuẩn; chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận hợp chuẩn của mình;

b) Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận hợp chuẩn; không được thực hiện hoạt động tư vấn cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn;

c) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động chứng nhận hợp chuẩn;

d) Giám sát đối tượng đã được chứng nhận hợp chuẩn nhằm đảm bảo duy trì sự phù hợp của đối tượng với tiêu chuẩn tương ứng;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình;

e) Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn;

g) Định kỳ sáu tháng, đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả hoạt động chứng nhận hợp chuẩn về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Quy định này;

h) Thông báo cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng mọi thay đổi

có ảnh hưởng tới hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đã đăng ký.

Chương III CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Điều 11. Đối tượng và căn cứ chứng nhận hợp quy

1. Đối tượng của hoạt động chứng nhận hợp quy là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng.

2. Căn cứ để chứng nhận hợp quy được quy định cụ thể trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng.

Điều 12. Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận hợp quy

1. Tổ chức chứng nhận hợp quy phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này.

2. Tùy theo yêu cầu quản lý, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể hướng dẫn cụ thể về các yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận hợp quy trên cơ sở các quy định tại khoản 1 Điều này cho phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 13. Trình tự, thủ tục đăng ký và chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy

1. Tổ chức chứng nhận sự phù hợp có nhu cầu tham gia hoạt động chứng nhận hợp quy trong lĩnh vực cụ thể phải lập hồ sơ đăng ký và gửi về cơ quan tương ứng sau đây:

a) Cơ quan đầu mối quản lý lĩnh vực chuyên ngành do Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ định.

b) Cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Quy định này;

b) Bản sao Quyết định thành lập (nếu có), Giấy đăng ký kinh doanh;

c) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này;

d) Mẫu Giấy chứng nhận hợp quy;

đ) Tài liệu đáp ứng các yêu cầu cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy định này (nếu có);

e) Kết quả hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký (nếu có).

3. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này tiến hành xem xét hồ sơ và ra quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII của Quy định nếu tổ chức đăng ký chứng nhận hợp quy đáp ứng các yêu cầu quy định.

Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động chứng nhận hợp quy và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức chứng nhận đã được chỉ định thực hiện hoạt động chứng nhận hợp quy khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp quy phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Giấy đề nghị thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục IX của Quy định này.

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xem xét hồ sơ và ra quyết định về việc thay đổi bổ sung lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục X của Quy định này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận hợp quy

1. Quyền:

a) Cấp giấy chứng nhận hợp quy có hiệu lực không quá ba năm cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

b) Giao quyền sử dụng và hướng dẫn cách sử dụng dấu hợp quy cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy;

c) Thu hồi giấy chứng nhận hợp quy, quyền sử dụng dấu hợp quy đã cấp khi tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường tương ứng đã được chứng nhận hợp quy vi phạm nghiêm trọng các quy định về chứng nhận hợp quy.

2. Nghĩa vụ:

a) Thực hiện hoạt động chứng nhận hợp quy trong lĩnh vực đã được chỉ định theo trình tự, thủ tục đã quy định;

b) Trên cơ sở phương thức đánh giá hợp quy được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, xây dựng trình tự, thủ tục chứng nhận hợp quy cho từng đối tượng cụ thể và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận hợp

quy; không được thực hiện hoạt động tư vấn về chứng nhận hợp quy cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy;

d) Bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động chứng nhận hợp quy;

đ) Giám sát đối tượng đã được chứng nhận hợp quy nhằm bảo đảm duy trì sự phù hợp của đối tượng với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình;

g) Báo cáo kịp thời cho cơ quan quản lý có thẩm quyền và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thu hồi giấy chứng nhận hợp quy và quyền sử dụng dấu hợp quy;

h) Định kỳ sáu tháng, đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả hoạt động chứng nhận hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Quy định này cho cơ quan quản lý có thẩm quyền đã chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để tổng hợp;

i) Thông báo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền đã chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động chứng nhận hợp quy đã đăng ký trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Chương IV CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Điều 15. Trình tự, thủ tục công bố hợp chuẩn

1. Việc công bố hợp chuẩn được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đánh giá sự phù hợp của đối tượng công bố với tiêu chuẩn tương ứng.

a) Việc đánh giá sự phù hợp nêu trên có thể do tổ chức chứng nhận hợp chuẩn (bên thứ ba) hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn (bên thứ nhất) thực hiện. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện theo phương thức đánh giá hợp chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

b) Kết quả đánh giá sự phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

Bước 2: Đăng ký bản công bố hợp chuẩn.

a) Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn gửi bản công bố hợp chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục XI của Quy định này đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, cá nhân

sản xuất đăng ký hoạt động xuất kinh doanh để đăng ký.

b) Trong thời gian bảy ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn như sau:

- Trường hợp bản công bố hợp chuẩn hợp lệ, thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XII của Quy định này cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về việc tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn;

- Trường hợp bản đăng ký không hợp lệ, thông báo bằng văn bản có nêu rõ những điểm, nội dung chưa phù hợp cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn để hoàn thiện bản công bố hợp chuẩn và gửi lại cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm lập sổ đăng ký công bố hợp chuẩn để theo dõi, quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn

1. Duy trì liên tục và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã đăng ký công bố hợp chuẩn; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và

giám sát định kỳ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

2. Kịp thời thông báo với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hồ sơ công bố hợp chuẩn tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 21 của Quy định này về sự không phù hợp với tiêu chuẩn được phát hiện trong quá trình sản xuất, lưu thông, vận chuyển, sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường và tiến hành các biện pháp thích hợp sau:

a) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp;

b) Khi cần thiết, tạm ngừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp đang lưu thông trên thị trường; ngừng vận hành, khai thác các quá trình, dịch vụ, môi trường liên quan;

c) Thông báo cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hồ sơ công bố hợp chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 21 của Quy định này về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường vào sử dụng, lưu thông, khai thác, kinh doanh.

3. Lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp chuẩn như sau:

a) Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn độc lập (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp chuẩn bao gồm:

- Bản công bố hợp chuẩn đã đăng ký;
- Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận hợp chuẩn cấp cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường;

- Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng).

b) Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp chuẩn bao gồm:

- Bản công bố hợp chuẩn đã đăng ký;
- Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của cơ quan có thẩm quyền;

- Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng);

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII của Quy định này hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001.

- Báo cáo đánh giá hợp chuẩn kèm theo kết quả thử nghiệm mẫu.

5. Thực hiện việc công bố lại khi có bất cứ sự thay đổi nào về nội dung bản công bố hợp chuẩn đã đăng ký.

Chương V CÔNG BỐ HỢP QUY

Điều 17. Đối tượng của công bố hợp quy

Đối tượng của công bố hợp quy bao gồm:

1. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc đối tượng phải công bố hợp quy theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành;

2. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đặc thù của địa phương là đối tượng phải công bố hợp quy theo

quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành.

Điều 18. Trình tự, thủ tục công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy được thực hiện theo các bước sau:

1. Bước 1: đánh giá sự phù hợp của đối tượng được công bố với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

a) Việc đánh giá hợp quy có thể do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (bên thứ nhất) thực hiện;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân (bên thứ nhất) tự đánh giá hợp quy, tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc do cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật chỉ định;

c) Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

2. Bước 2: đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan quản lý và tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy tương ứng quy định tại Điều 21 của Quy định này.

Điều 19. Đăng ký bản công bố hợp quy

1. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập và gửi hồ sơ công bố hợp quy đến sở chuyên ngành tương ứng tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh để đăng ký.

Hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

a) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy (bên thứ ba):

- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục XI của Quy định này;

- Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng....).

b) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất):

- Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục XI của Quy định này;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường (đặc điểm, tính năng, công dụng....);

- Kết quả thử nghiệm, hiệu chuẩn (nếu có);

- Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII của Quy định này hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001;

- Kế hoạch giám sát định kỳ;

- Báo cáo đánh giá hợp quy kèm theo các tài liệu có liên quan.

2. Trong thời gian bảy ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ công bố hợp quy hợp lệ, cơ quan quản lý và tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về việc tiếp nhận bản công bố trong trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý và tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện việc đăng ký lại.

3. Cơ quan quản lý và tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy lập sổ đăng ký công bố hợp quy để theo dõi, quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy

1. Thông báo trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc công bố hợp quy của mình.

2. Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã công bố hợp quy; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ tại doanh nghiệp.

3. Sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa đã được công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

4. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường đã công bố với quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lưu thông, vận hành, sử dụng phải:

a) Kịp thời thông báo với cơ quản lý và tiếp nhận công bố hợp quy về sự không phù hợp;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp. Khi cần thiết, tạm ngừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp đang lưu thông trên thị trường; ngừng vận hành, khai thác các quá trình, dịch vụ, môi trường liên quan;

c) Thông báo cho các cơ quan quản lý và tiếp nhận bản công bố hợp quy về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường vào sử dụng, lưu thông, khai thác, kinh doanh.

5. Lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước.

6. Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố hợp quy đã đăng ký.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi lĩnh vực quản lý được phân công, phân cấp có trách nhiệm:

a) Xác định danh mục các lĩnh vực, đối tượng thuộc diện phải chứng nhận hợp quy do mình quản lý và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang tin điện tử (website) của cơ quan về nhu cầu chứng nhận hợp quy đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng quy định tại điểm này.

b) Chỉ đạo, quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo Quy định này;

c) Chỉ định cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trong lĩnh vực được phân công; thông báo danh sách cơ quan đầu mối được chỉ định cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp;

d) Chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 16 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Giao trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận bản công bố hợp quy cho các sở chuyên ngành tương ứng tại địa phương.

e) Thông báo công khai danh sách các tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định trên trang tin điện tử (website) tương ứng của cơ quan và các phương tiện thông tin thích hợp để các tổ chức, cá nhân lựa chọn.

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm:

a) Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý và hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận

hợp quy, công bố hợp chuẩn và công bố hợp quy;

b) Phối hợp với các cơ quan đầu mối ở Trung ương thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc đôn đốc, hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo Quy định này;

c) Tiếp nhận đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận sự phù hợp; lập và công bố danh sách tổ chức chứng nhận hợp chuẩn đã được cấp giấy chứng nhận và thông báo công khai trên trang tin điện tử (website) của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

d) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận hợp quy của các tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 16 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Quy định này;

e) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, công bố hợp chuẩn; hàng năm báo cáo tình hình quản lý hoạt động chứng nhận, công bố sự phù hợp về Bộ Khoa học và Công nghệ;

g) Tổng hợp danh mục các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã được công bố hợp chuẩn, chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy đối với các đối tượng do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và thông báo trên trang tin điện tử (website) của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

3. Các cơ quan đầu mối được chỉ định quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có trách nhiệm giúp Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc:

a) Tổ chức việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy; theo dõi hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy đã được chỉ định;

b) Thực hiện việc theo dõi và quản lý hoạt động đăng ký công bố hợp quy của các sở quản lý chuyên ngành tương ứng tại địa phương

c) Tổng hợp tình hình hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; danh mục các sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường đã được chứng nhận

hợp quy và định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan và Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đăng ký và quản lý bản công bố hợp chuẩn của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại địa phương;

b) Tiếp nhận đăng ký và quản lý bản công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường chịu sự điều chỉnh của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

c) Hàng quý, đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã đăng ký công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy tại điểm a, b khoản này.

Điều 22. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận

hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp hợp quy theo Quy định này và các quy luật hiện hành có liên quan./ định hiện hành khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, tùy theo tính chất, mức độ vi

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng

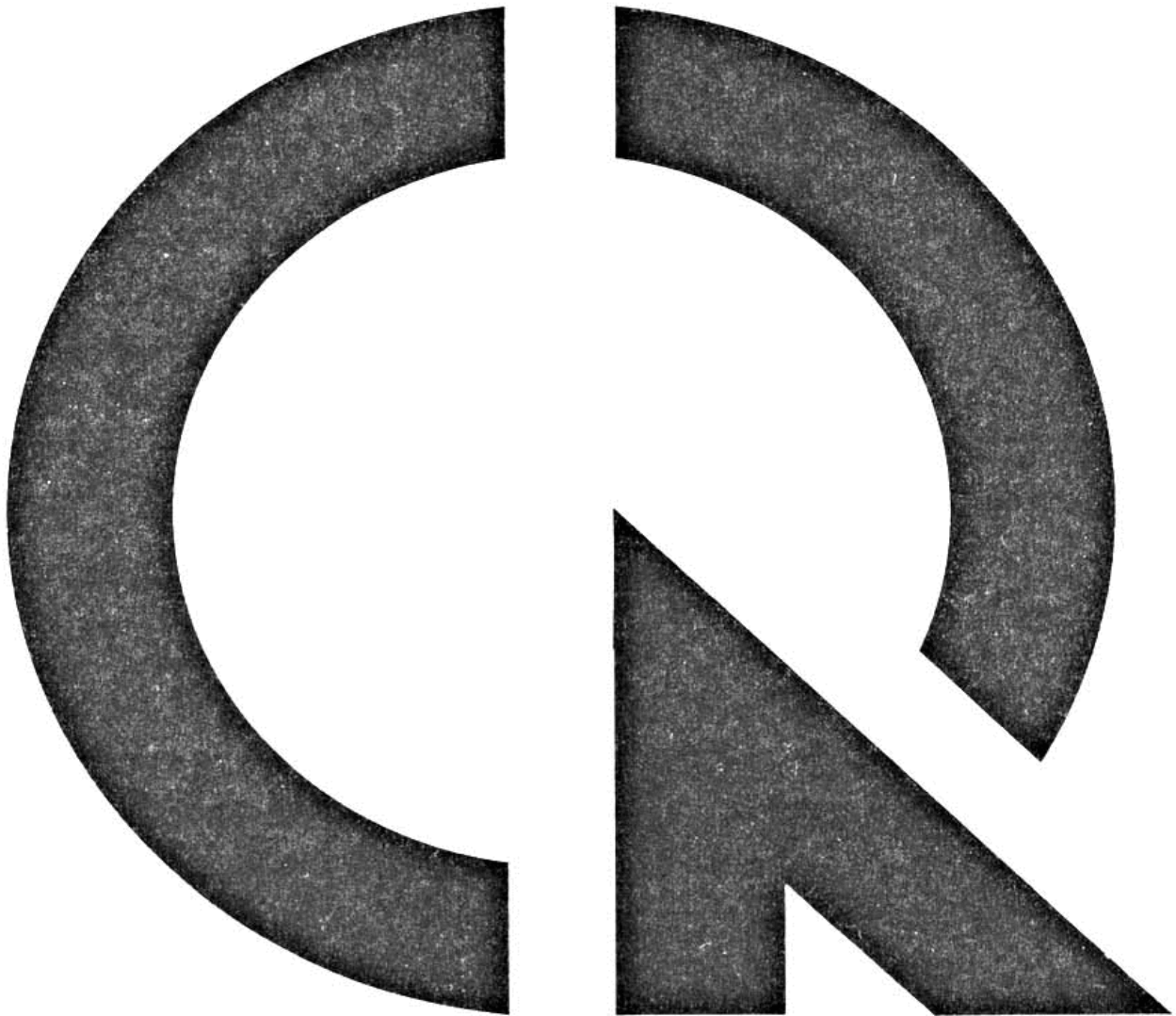
Phụ lục I

HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA DẤU HỢP QUY

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

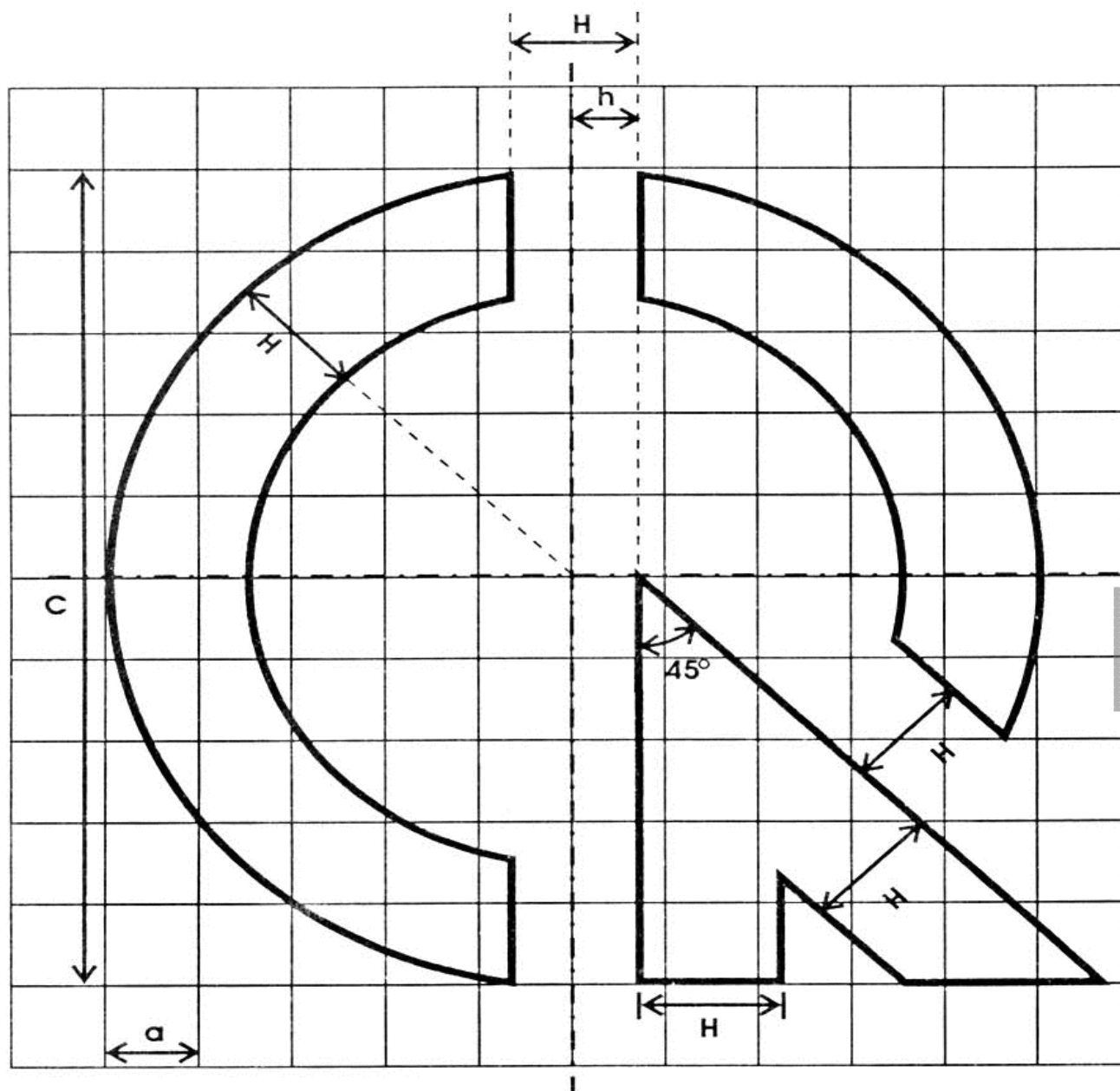
HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA DẤU HỢP QUY

1. Dấu hợp quy có hình dạng được mô tả tại Hình 1.



Hình 1. Hình dạng của dấu hợp quy

2. Kích thước cơ bản để thiết kế dấu hợp quy quy định tại Hình 2.



Hình 2. Kích thước cơ bản của dấu hợp quy

Chú thích:

$$\begin{aligned} H &= 1,5 a \\ h &= 0,5 H \\ C &= 7,5 H \end{aligned}$$

Phụ lục II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG
CÁC PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG
CÁC PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢPI. PHƯƠNG THỨC 1: THỬ NGHIỆM
MẪU ĐIỂN HÌNH

Phương thức 1 thử nghiệm mẫu điển hình của sản phẩm, hàng hóa để kết luận về sự phù hợp. Kết luận về sự phù hợp có giá trị đối với kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa đã được lấy mẫu thử nghiệm.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 1 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành lấy mẫu điển hình cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa. Mẫu điển hình của sản phẩm, hàng hóa là mẫu đại diện cho một kiểu, loại cụ thể của sản phẩm, hàng hóa được sản xuất theo cùng một thiết kế, trong cùng một điều kiện và sử dụng cùng loại nguyên vật liệu.

Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Mẫu sản phẩm, hàng hóa được thử nghiệm tại phòng thử nghiệm đủ năng lực, có thể bao gồm cả phòng thử nghiệm của nhà sản xuất. Ưu tiên sử dụng phòng thử nghiệm được chỉ định và được công nhận.

Các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa cần thử nghiệm và phương pháp thử nghiệm được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

1.3. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm mẫu so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.4. Kết luận về sự phù hợp

Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm,

hàng hóa được xem là phù hợp nếu tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nguyên tắc sử dụng phương thức 1

Phương thức 1 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

a) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;

b) Không tiến hành xem xét được các yêu cầu đảm bảo duy trì ổn định chất lượng.

II. PHƯƠNG THỨC 2: THỬ NGHIỆM MẪU ĐIỂN HÌNH KẾT HỢP ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, GIÁM SÁT THÔNG QUA THỬ NGHIỆM MẪU LẤY TRÊN THỊ TRƯỜNG

Phương thức 2 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa. Việc đánh giá giám sát sau đó được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa lấy trên thị trường.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 2 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Việc đánh giá quá trình sản xuất phải xem xét đầy đủ tới các điều kiện kiểm soát của nhà sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm nhằm đảm bảo duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các điều kiện kiểm soát bao gồm:

a) Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);

b) Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm;

c) Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm;

d) Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;

đ) Kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;

e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

Trường hợp nhà sản xuất đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm, hàng hóa được đánh giá, không cần phải đánh giá quá trình sản xuất.

1.4. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm mẫu so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Xem xét sự phù hợp của quá trình sản xuất so với yêu cầu quy định tại mục 1.3 của phương thức này.

1.5. Kết luận về sự phù hợp

Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp nếu đảm bảo đủ 2 điều kiện sau:

a) Tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

b) Kết quả đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với yêu cầu.

Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm,

hàng hóa có giá trị hiệu lực tối đa 3 năm với điều kiện sản phẩm, hàng hóa được đánh giá giám sát.

1.6. Giám sát:

Trong thời gian hiệu lực của kết luận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được đánh giá, giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường. Tần suất đánh giá, giám sát phải đảm bảo không được quá 12 tháng/1 lần.

Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ kết luận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng phương thức 2:

Phương thức 2 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện có nguy cơ rủi ro về an toàn, sức khỏe, môi trường ở mức thấp;

b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;

c) Cần quan tâm tới việc duy trì ổn định

các đặc tính chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất;

d) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa có khả năng bị biến đổi trong quá trình phân phối lưu thông trên thị trường;

đ) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có các biện pháp hữu hiệu để thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình giám sát.

III. PHƯƠNG THỨC 3: THỬ NGHIỆM MẪU ĐIỂN HÌNH KẾT HỢP ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT; GIÁM SÁT THÔNG QUA THỬ NGHIỆM MẪU LẤY TẠI NƠI SẢN XUẤT KẾT HỢP VỚI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

Phương thức 3 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận về sự phù hợp. Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa lấy từ nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 3 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Tiến hành như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 2.

1.4. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.4 của Phương thức 2.

1.5. Kết luận về sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.5 của Phương thức 2.

1.6. Giám sát:

Trong thời gian hiệu lực của kết luận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được đánh giá, giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Tần suất đánh giá, giám sát phải đảm bảo không được quá 12 tháng/1 lần.

Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

Việc đánh giá quá trình sản xuất được thực hiện như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 2.

Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ kết luận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 3:

Phương thức 3 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện có nguy cơ gây mất an toàn, sức khỏe, môi trường cao hơn so với sản phẩm, hàng hóa được đánh giá theo phương thức 2;

b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;

c) Cần quan tâm tới việc duy trì ổn định các đặc tính chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất;

d) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa về bản chất ít hoặc không bị biến đổi trong quá trình phân phối lưu thông trên thị trường;

đ) Không có biện pháp hữu hiệu để thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình giám sát.

IV. PHƯƠNG THỨC 4: THỬ NGHIỆM MẪU ĐIỂN HÌNH VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT; GIÁM SÁT THÔNG QUA THỬ NGHIỆM MẪU LẤY TẠI NƠI SẢN XUẤT VÀ TRÊN THỊ TRƯỜNG KẾT HỢP VỚI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

Phương thức 4 căn cứ kết quả thử nghiệm điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận về sự phù hợp. Việc đánh giá giám sát sau đó được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa lấy từ nơi sản xuất và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 4 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Tiến hành như quy định tại 1.3 của Phương thức 2.

1.4. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.4 của Phương thức 2.

1.5. Kết luận về sự phù hợp

Tiến hành như quy định tại mục 1.5 của Phương thức 2.

1.6. Giám sát:

Trong thời gian hiệu lực của thông báo về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải được đánh giá, giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/lần.

Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

Việc đánh giá quá trình sản xuất được thực hiện như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 2.

Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ kết luận về sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 4:

Phương thức 4 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa thuộc diện

có nguy cơ gây mất an toàn, sức khỏe, môi trường cao hơn so với sản phẩm, hàng hóa được đánh giá sự phù hợp theo phương thức 3;

b) Thiết kế của sản phẩm, hàng hóa cho phép xác định rõ sản phẩm, hàng hóa theo từng kiểu, loại đặc trưng;

c) Cần quan tâm tới việc duy trì ổn định các đặc tính chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sản xuất;

d) Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất ổn định trong quá trình sản xuất và bị biến đổi trong quá trình phân phối lưu thông trên thị trường;

đ) Có biện pháp cho phép thu hồi sản phẩm, hàng hóa từ thị trường khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa không phù hợp trong quá trình giám sát.

V. PHƯƠNG THỨC 5: THỬ NGHIỆM MẪU ĐIỂN HÌNH VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT; GIÁM SÁT THÔNG QUA THỬ NGHIỆM MẪU LẤY TẠI NƠI SẢN XUẤT HOẶC TRÊN THỊ TRƯỜNG KẾT HỢP VỚI ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

Phương thức 5 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất để kết luận về sự phù

hợp. Việc đánh giá giám sát được thực hiện thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc mẫu lấy trên thị trường kết hợp đánh giá quá trình sản xuất.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động cơ bản trong Phương thức 5 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Tiến hành như quy định tại mục 1.1 của Phương thức 1.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất:

Tiến hành như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 2.

1.4. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.4 của Phương thức 2.

1.5. Kết luận về sự phù hợp:

Tiến hành như quy định tại mục 1.5 của Phương thức 2.

1.6. Giám sát:

Trong thời gian hiệu lực của kết luận về sự phù hợp, sản phẩm, hàng hóa phải

được đánh giá, giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất. Tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/1 lần.

Việc thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được thực hiện như quy định tại mục 1.1, 1.2 và 1.3 của Phương thức 1.

Việc đánh giá quá trình sản xuất được thực hiện như quy định tại mục 1.3 của Phương thức 2.

Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ thông báo sự phù hợp.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 5:

Phương thức 5 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện:

a) Cần sử dụng một phương thức có độ tin cậy cao như phương thức 4, nhưng cho phép linh hoạt trong việc sử dụng các biện pháp giám sát để giảm được chi phí;

b) Cần sử dụng một phương thức được áp dụng phổ biến nhằm hướng tới việc thừa nhận lẫn nhau các kết quả đánh giá sự phù hợp.

VI. PHƯƠNG THỨC 6: ĐÁNH GIÁ VÀ GIÁM SÁT HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Phương thức 6 căn cứ vào việc đánh giá hệ thống quản lý để kết luận về sự phù hợp của hệ thống quản lý với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 6 bao gồm:

1.1. Đánh giá sự phù hợp của hệ thống quản lý:

- Hệ thống quản lý được đánh giá theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Báo cáo kết quả đánh giá đối chiếu với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.2. Kết luận về sự phù hợp:

Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá, kết luận về sự phù hợp của hệ thống quản lý với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Kết luận về sự phù hợp của hệ thống quản lý có giá trị hiệu lực tối đa 3 năm với điều kiện hệ thống quản lý được đánh giá giám sát.

1.3. Giám sát hệ thống quản lý.

- Giám sát thông qua việc đánh giá hệ

thống quản lý với tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/1 lần.

- Kết quả giám sát là căn cứ để quyết định tiếp tục duy trì, đình chỉ, hủy bỏ sự phù hợp của hệ thống quản lý.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 6:

Phương thức 6 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của các quá trình, dịch vụ, môi trường có hệ thống quản lý theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

VII. PHƯƠNG THỨC 7: THỬ NGHIỆM, ĐÁNH GIÁ LÔ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Phương thức 7 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được lấy theo phương pháp xác suất thống kê cho lô sản phẩm, hàng hóa để ra kết luận về sự phù hợp của lô. Kết luận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho lô sản phẩm, hàng hóa cụ thể và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 7 bao gồm:

1.1. Lấy mẫu:

Mẫu thử nghiệm là mẫu được lấy theo

phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng.

Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

1.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

Tiến hành như quy định tại mục 1.2 của Phương thức 1.

1.3. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm mẫu với quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.4. Kết luận về sự phù hợp:

Lô sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp với quy định nếu số lượng mẫu thử nghiệm có kết quả không phù hợp nằm trong giới hạn cho phép.

Lô sản phẩm, hàng hóa được xem là không phù hợp với quy định nếu số lượng mẫu thử nghiệm có kết quả không phù hợp vượt quá giới hạn cho phép.

2. Nguyên tắc sử dụng Phương thức 7:

Phương thức 7 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các điều kiện:

a) Sản phẩm, hàng hóa được phân định theo lô đồng nhất;

b) Không tiến hành xem xét được các yêu cầu đảm bảo duy trì ổn định chất lượng.

VIII. PHƯƠNG THỨC 8: THỬ NGHIỆM HOẶC KIỂM ĐỊNH TOÀN BỘ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Phương thức 8 căn cứ kết quả thử nghiệm hoặc kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa để kết luận về sự phù hợp trước khi đưa ra lưu thông, sử dụng. Kết luận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho từng sản phẩm, hàng hóa đơn chiếc và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động chính trong Phương thức 8 bao gồm:

1.1. Xác định sản phẩm, hàng hóa cần được thử nghiệm hoặc kiểm định;

1.2. Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa:

a) Việc thử nghiệm hoặc kiểm định sản phẩm, hàng hóa do phòng thử nghiệm, phòng kiểm định có năng lực tiến hành tại nơi sản xuất, nơi lắp đặt, nơi sử dụng hoặc tại phòng thử nghiệm, phòng kiểm định.

Ưu tiên sử dụng phòng thử nghiệm, phòng kiểm định được công nhận.

b) Các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa cần thử nghiệm, kiểm định và phương pháp thử nghiệm, kiểm định được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

1.3. Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp:

Xem xét các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa qua kết quả thử nghiệm hoặc kết quả kiểm định so với yêu cầu.

1.4. Kết luận về sự phù hợp:

Sản phẩm, hàng hóa được xem là phù hợp nếu tất cả các chỉ tiêu của sản phẩm, hàng hóa được thử nghiệm hoặc kiểm định phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nguyên tắc sử dụng của Phương thức 8:

Phương thức 8 được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trước khi đưa vào lưu thông, sử dụng./.

Phụ lục III

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200....

GIẤY ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:Fax:.....Email:.....

3. Quyết định thành lập (nếu có), Giấy phép kinh doanh: số..... Cơ quan cấp:.....cấp ngàytại.....

4. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động chứng nhận hợp chuẩn quy định tại Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động chứng nhận hợp chuẩn trong các lĩnh vực, đối tượng sau đây:

-..... (sản phẩm, hàng hóa)

-.....(dịch vụ, quá trình, môi trường)

5. Mẫu Giấy chứng nhận hợp chuẩn và Dấu chứng nhận hợp chuẩn được gửi kèm theo.

09.634.591

Đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét và chứng nhận việc đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn trong các lĩnh vực nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn và các quy định có liên quan của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 2007

Số: /TĐC-ĐGPH

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Căn cứ Quyết định số 140/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2004 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về chứng nhận hợp
chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đánh giá sự phù hợp, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường
Chất lượng chứng nhận:

1.....(tên tổ chức chứng nhận).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax: E-mail:

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đối với các lĩnh vực, đối tượng sau đây:

.....

2. Số đăng ký:
3. Giấy chứng nhận được cấp lần:....(đầu, thứ hai....)
4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KHCN (b/c);
- Lưu VP, ĐGPH.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Phụ lục V

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 200...

GIẤY ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:Fax:E-mail:

3. Lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận hợp chuẩn số.....ngày...../...../200.... do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp.

4. Lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn đề nghị thay đổi, bổ sung:.....

Đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét và cho đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận hợp chuẩn trong các lĩnh vực nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn trong lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

09634591

Phụ lục VI
MẪU BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN/HỢP QUY
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

“Tên cơ quan chủ quản”
Tên tổ chức chứng nhận
sự phù hợp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.... tháng.... năm 200....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN/HỢP QUY
(Từ ngày.../.../200... đến ngày.../.../200....)

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức chứng nhận sự phù hợp:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

4. Tình hình hoạt động

.....(tên tổ chức chứng nhận sự phù hợp) báo cáo tình hình hoạt động chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy từ ngày.../.../200... đến ngày.../.../200... như sau:

a) Đơn vị được chứng nhận trong kỳ báo cáo

| TT | Tên đơn vị được chứng nhận | Địa chỉ | Lĩnh vực/ đối tượng | Tiêu chuẩn áp dụng | Thời gian/hiệu lực của chứng chỉ chứng nhận | Ghi chú |
|----|----------------------------|---------|---------------------|--------------------|---|---------|
| | | | | | | |

b) Đơn vị có chứng chỉ đã bị thu hồi hoặc hết hạn (nếu có) trong kỳ báo cáo

| TT | Tên đơn vị được chứng nhận | Địa chỉ | Lĩnh vực/ đối tượng | Tiêu chuẩn áp dụng | Thời gian/hiệu lực của chứng chỉ chứng nhận | Ghi chú |
|----|----------------------------------|------------|------------------------|--------------------------|---|------------|
| | | | | | | |

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....

.....(tên tổ chức chứng nhận sự phù hợp) báo cáo để Tổng cục Tiêu chuẩn
Đo lường Chất lượng biết./.

TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN
(Đại diện có thẩm quyền ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 2007

GIẤY ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu
trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy)

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Quyết định thành lập/ (nếu có), Giấy đăng ký kinh doanh số.....Cơ quan
cấp:.....cấp ngàytại.....
4. Hồ sơ kèm theo:
-.....
-.....

5. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động chứng nhận hợp quy quy định tại Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để hoạt động chứng nhận hợp quy trong các lĩnh vực, đối tượng sau đây:

09634591

-..... (sản phẩm, hàng hóa)

-.....(dịch vụ, quá trình, môi trường)

Đề nghị (tên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động chứng nhận hợp quy đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận hợp quy./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục VIII

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên Bộ, cơ quan ngang bộ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
quản lý chuyên ngành, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc)

...(Số quyết định)..... , ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy

BỘ TRƯỞNG
BỘ.....(tên Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN)

Căn cứ Nghị định số..... ngày.../.../.... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....(tên Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành);

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

Xét đề nghị của....(tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định.....(tên tổ chức chứng nhận) thuộc.....
.....(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ.....thực hiện việc chứng nhận hợp quy.

Điều 2. Lĩnh vực, đối tượng được chứng nhận hợp quy nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH &CN;
- Tên Tổ chức liên quan;
- Lưu....

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

(Ủy ban nhân dân tỉnh, thành
phố trực thuộc TW)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(Số quyết định).....

....., ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH
về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

Xét đề nghị của...(tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy.),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định.....(tên tổ chức chứng nhận) thuộc.....(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ.....thực hiện việc chứng nhận hợp quy.

Điều 2. Lĩnh vực, đối tượng được chứng nhận hợp quy nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH &CN;
- Tên Tổ chức liên quan;
- Lưu....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IX
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC, ĐỐI TƯỢNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2007

GIẤY ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC, ĐỐI TƯỢNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu
trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy)

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:.....Fax: E-mail:

3. Lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy đã được chỉ định theo quyết định
số.....ngày..... /...../200... do... (tên Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành,
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) cấp.

4. Lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy đề nghị thay đổi, bổ sung:.....
.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét và cho đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực, đối tượng
chứng nhận hợp quy nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận hợp
quy trong lĩnh vực, đối tượng đã được thay đổi, bổ sung./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC...
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY)
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục X

MẪU QUYẾT ĐỊNH

THAY ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC, ĐỐI TƯỢNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tên Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành,) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(Số quyết định)....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy

BỘ TRƯỞNG

BỘ.....(tên Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN)

Căn cứ Nghị định số..... ngày.../.../.... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....(tên Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành);

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

Căn cứ Quyết định số ngày..... tháng..... năm.... của (tên Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành) về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy;

Xét đề nghị của....(tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy đối với... (tên tổ chức chứng nhận) thuộc....(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ.....

Điều 2. Lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy được thay đổi, bổ sung nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH &CN;
- Tên Tổ chức liên quan;
- Lưu....

(Ủy ban nhân dân tỉnh, thành
phố trực thuộc TW)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(Số quyết định).....

....., ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH

về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng.... năm.... của (tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW) về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy;

Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá của....(tên cơ quan có thẩm quyền được chỉ định làm đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy đối với...
(tên tổ chức chứng nhận) thuộc....(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ.....

Điều 2. Lĩnh vực, đối tượng chứng nhận hợp quy được thay đổi, bổ sung nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH &CN;
- Tên Tổ chức liên quan;
- Lưu....

Phụ lục XI

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....
.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục XII

MẪU THÔNG BÁO TIẾP NHẬN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

“Tên cơ quan chủ quản” CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
“Tên cơ quan tiếp nhận công bố” Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA,
QUÁ TRÌNH, DỊCH VỤ, MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN KỸ THUẬT

..... (Tên cơ quan tiếp nhận công bố)..... xác nhận đã nhận Bản công bố hợp
chuẩn/ hợp quy của:..... (tên doanh nghiệp).....

địa chỉ doanh nghiệp.....

cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (mô tả sản phẩm, hàng
hóa).....

phù hợp tiêu chuẩn (số hiệu tiêu chuẩn)/ quy chuẩn kỹ thuật: (số hiệu tiêu chuẩn
kỹ thuật).....

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị
chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với
tiêu chuẩn/ quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách

09634591

nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
CƠ QUAN TIẾP NHẬN CÔNG BỐ

(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo).

Phụ lục XIII

MẪU KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....

| Các quá trình sản xuất cụ thể | Kế hoạch kiểm soát chất lượng | | | | | | |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| | Các chỉ tiêu kiểm soát | Quy định kỹ thuật | Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu | Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra | Phương pháp thử/kiểm tra | Biểu ghi chép | Ghi chú |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(ký tên, đóng dấu)